

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/01/2023
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Yến Nhi
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Phan Công Ny
 2. Bà Hồ Thị Kim Luyến
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phan Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 610/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1011/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ông Lê Thanh T** sinh năm: 1961 (*có mặt*)
ĐKTT: Số 85, đường N, phường A, quận N, thành phố C.
Địa chỉ: Số 18, đường P, phường P, quận C, thành phố C.
- *Bị đơn:* **Bà Nguyễn Thị N** sinh năm: 1962 (*vắng mặt*)
Địa chỉ: Số 85, đường N, phường A, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Lê Thanh T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà Nguyễn Thị N kết hôn có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 19/4/2004 tại Ủy ban nhân dân phường A, (nay là: phường T), quận N, thành phố C. Ông bà có 02 con chung tên Lê Thanh T (nam), sinh năm: 1987 và Lê Nguyễn Minh T (nam), sinh năm: 1998, hiện 02 con đã trưởng thành. Quá trình chung sống, ông bà thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng những năm gần đây, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn về nhiều vấn đề, không thể giải quyết. Xét thấy, tình cảm giữa 02 ông bà không còn, dù đã cố gắng để duy trì hạnh phúc gia đình, cuộc sống vợ chồng của ông bà vẫn không thể cứu vãn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên kính đề nghị Tòa án cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, ông bà có 02 con chung tên Lê Thanh T (nam), sinh năm 1987 và Lê Nguyễn Minh T (nam), sinh năm 1998, hiện 02 con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn bà Nguyễn Thị N không có ý kiến gì. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho bị đơn thông báo thụ lý, thông báo về việc tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Mặt khác, nguyên đơn có yêu cầu đưa vụ án ra xét xử, không qua tiến hành hòa giải, do giữa nguyên đơn và bị đơn mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A (nay là phường T), quận N, thành phố C nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh khi có yêu cầu. Quá trình chung sống, ông T và bà N phát sinh mâu thuẫn cách đây gần 04 năm nên ông T có đơn xin ly hôn, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp ly hôn*”, bị đơn cư trú tại quận N. Do đó, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2/Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên tòa vào ngày 30/12/2022 và ngày 17/01/2023 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3/Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông T và bà N tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được UBND phường A (nay là phường T) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/4/1994. Ông bà chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo ông T thì nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc, ông bà không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Ông vẫn cố gắng duy trì hạnh phúc vẫn không thể hàn gắn tình cảm được nên ông và bà N đã sống ly

thân từ năm 2019. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, ông không còn tình cảm với bà N nên ông khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà N.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các trình tự thủ tục tổng đạt thông báo mời hòa giải và tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật định nhằm tạo điều kiện để các đương sự hoá giải những mâu thuẫn, hòa giải đoàn tụ nhưng bà N đều vắng mặt không lý do. Điều này chứng tỏ bà N không thật sự tha thiết với cuộc sống hôn nhân này. Hơn nữa, trên thực tế ông bà không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông T và bà N đã sống ly thân hơn 3 năm. Từ đó cho thấy, tình cảm vợ chồng giữa ông T và bà N đã thật sự rạn nứt, hôn nhân đã chấm dứt trên thực tế, đời sống chung giữa ông bà không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc cho ông T cũng như bà N. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống, ông bà có 02 con chung tên Lê Thanh T (nam), sinh năm: 1987 và Lê Nguyễn Minh T (nam), sinh năm: 1998, hiện 02 con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ghi nhận lời trình bày của đương sự không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Khi nào có yêu cầu và phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Nguyên đơn ông Lê Thanh T (trên 60 tuổi), thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

-Khoản 1 Điều 12 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê Thanh T được ly hôn bà Nguyễn Thị N.

- *Về con chung*: Ông T và bà N có 02 con chung tên Lê Thanh T (nam), sinh năm: 1987 và Lê Nguyễn Minh T (nam), sinh năm: 1998 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận lời trình bày của đương sự không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Khi nào có yêu cầu và phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn ông Lê Thanh T được miễn nộp tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết*), để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Ninh Kiều;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Ninh Kiều
- Tòa án nhân dân TP.Cần Thơ;
- Ủy ban nhân dân P. Tân An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Yến Nhi